

NHỮNG TÁC ĐỘNG CƠ BẢN LÀM THAY ĐỔI SINH KẾ VÀ CẤU TRÚC XÃ HỘI NGƯỜI CHIL Ở LÂM ĐỒNG

ThS. NGUYỄN THỊ HƯƠNG^(*)

Tóm tắt: Sinh kế của các tộc người di cư đến khu vực Lang Biang, chia sẻ địa bàn cư trú với người Chil sau năm 1975 nói chung, hoạt động sinh kế của người Chil nói riêng, đến nay vẫn lấy nông nghiệp làm chính. Những năm gần đây, đặc biệt là từ sau khi Lang Biang trở thành Khu dự trữ sinh quyển thế giới, sinh kế của người Chil có nhiều biến đổi. Sự biến đổi này không chỉ ảnh hưởng đến cộng đồng dân tộc Chil cũng như cộng đồng dân tộc khác cư trú trong cùng khu vực, mà còn có tác động nhất định đến mục tiêu phát triển bền vững của Khu dự trữ sinh quyển Lang Biang.

Từ khóa: cấu trúc xã hội; Lang Biang; Lâm Đồng; người Chil

Người Chil là một nhóm thuộc tộc người K'ho cư trú rải rác trên vùng núi cao, rừng rậm thuộc thượng lưu sông Krông Knô (Bắc và Tây-Bắc cao nguyên Lang Biang). Do tập quán sống du canh, du cư, họ đã di chuyển dần xuống phía Nam. Hiện nay, người Chil đã chấm dứt đời sống du canh, du cư, sống tập trung ở vùng Lạc Dương, từ Bắc sang Đông Bắc Thành phố Đà Lạt đến vùng thượng nguồn sông Đa Nhim, giáp tỉnh Ninh Thuận. Theo Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng, trong Hồ sơ đề cử khu dự trữ

sinh quyển Lang Biang năm 2014, toàn bộ khu vực lưu trú của người Chil nằm lọt trong một phần Khu dự trữ sinh quyển Lang Biang, có tổng diện tích 275.439 ha, trong đó, diện tích của vùng lõi là 34.943 ha, vùng đệm là 72.232 ha và vùng chuyển tiếp là 168.264 ha.

Theo kết quả Tổng điều tra Dân số và Nhà ở năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng, tổng dân số người K'ho vào khoảng 170 nghìn người (năm 2009 là 145.666 người). Tộc người K'ho chia thành 6 nhóm khác nhau, phân biệt qua ngôn ngữ và địa bàn cư trú, gồm K'ho Sre (nhóm đồng nhất), K'ho Chil (đồng thứ hai), tiếp đến là các nhóm Lạt, Nộp, Dòn, T'ring (chi khoảng 4.600 người,

^(*) Viện Nghiên cứu phát triển Thành phố Hồ Chí Minh

cư trú trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa). Do có nhiều nhóm trong cùng một tộc người, giữa các nhóm có sự quan hệ phối ngẫu nên trong đợt điều tra dân số mới nhất, số lượng nhân khẩu của nhóm K'ho Chil vùng Lạc Dương, Lâm Đồng đã không có thông kê riêng. Ước lượng, tộc người này hiện có khoảng trên dưới 36 nghìn - 37 nghìn người.

Sinh kế truyền thống của người Chil được tổ chức theo hai hướng chính: sản xuất nông nghiệp (trồng trọt, chăn nuôi) và khai thác nguồn lợi tự nhiên từ rừng. Ngoài ra, họ có một số nghề thủ công, như đan lát, dệt, rèn,... tỷ lệ đóng góp không đáng kể.

Hiện nay, người Chil Lâm Đồng đã chấm dứt hoàn toàn tập quán du canh, du cư để đi vào sống quần cư, tập trung, giao thoa và chia sẻ địa bàn cư trú cùng các tộc người khác, nhất là với các nhóm trong cùng tộc người K'ho. Trong đời sống hòa nhập, những quy ước của đời sống hiện đại đã làm thay đổi cơ bản sinh kế của người Chil. Những thay đổi đó đã tác động không nhỏ đến đời sống sinh hoạt của người Chil trong khi sự chuẩn bị từ nội lực của tộc người này chưa thể bắt kịp để thích nghi và phát triển bền vững. Đây là thách thức lớn về mặt xã hội đối với tộc người Chil. Những tác động đó đã ảnh hưởng trực tiếp làm thay đổi cơ bản đời sống sinh hoạt kinh tế, xã hội của người Chil.

I. Chính sách sở hữu và quyền chiếm hữu đất đai làm thay đổi cấu trúc và phương thức sản xuất nông nghiệp

Ngoài đất ở, toàn bộ đất canh tác của người Chil đều gắn với rừng. Người Chil cũng như hầu hết các tộc người thiểu số trong và ngoài tộc người K'ho đều chia rừng thành 4 khu vực:

- *Rừng già* (hay còn gọi là rừng thiêng) là rừng tự nhiên có nhiều cây sinh trường lâu năm, nhiều cây gỗ quý. Chỉ có già làng, thầy mo, người có uy tín, trách nhiệm, có khả năng thông linh với các quyền lực tự nhiên (trời, đất, nước, lửa) mới được vào rừng già. Người Chil tin rằng, rừng già là nơi ngự trị

của thần linh nên không được xâm phạm. Mọi tác động vào rừng già đều bị cấm.

- *Rừng đầu nguồn* nằm ở đầu các con sông, con suối. Bon người Chil nào cũng có một khu rừng đầu nguồn nằm ở phía trên cao, nơi có rừng cây to, xanh tốt. Rừng đầu nguồn là nơi lưu giữ, bảo vệ nguồn nước sinh hoạt cho cộng đồng nên cấm mọi hành vi chặt phá, xâm hại. Rừng đầu nguồn cũng được coi là rừng thiêng.

- *Rừng ma* là khu vực được người Chil chọn làm nơi chôn cất người chết nên không được khai thác, không được xâm phạm. Rừng ma thường nằm gần nơi cư trú.

- *Rừng khai thác* là rừng chồi. Rừng này chủ yếu là các cây nhỏ được luân phiên canh tác. Người Chil có quyền khai phá để canh tác hoặc để lấy gỗ, củi,... Sau một thời gian khai thác, khu vực rừng cũ sẽ được bỏ đi, không tiếp tục việc trồng trọt. Đây là cách cho đất nghỉ ngơi để tự hồi phục trở lại. Đồng bào Chil quan niệm, đối với rừng nghèo đã khai thác nông nghiệp, nếu bỏ hoang không khai thác, không can thiệp trong khoảng 20 năm, rừng chồi sẽ tái sinh tự nhiên các nguồn gen bản địa, trả lại lớp thực bì với chất lượng ngang bằng với rừng khi con người mới bắt đầu khai thác.

Trong hàng ngàn năm, đất đai thuộc quyền sở hữu cộng đồng, các thành viên trong tộc người được quyền chiếm hữu, canh tác, khai thác luân phiên trên các vùng đệm, vùng rừng chồi và một phần rừng lõi. Ranh giới chiếm hữu có tính quy ước, không mang tính khế ước, không có tính định lượng. Tuy không có quy định sở hữu, nhưng quyền chiếm hữu, khai thác của từng hộ gia đình đối với khu vực đất rừng và các tài nguyên tự nhiên trên đất là tương đối bền vững, có tính cộng sinh cao.

Sau ngày đất nước giải phóng năm 1975, pháp luật về đất đai sửa đổi qua từng giai đoạn, gần nhất là Luật Đất đai năm 2013 không quy định hình thái chiếm hữu đặc thù đã tồn tại này. Đất đai được Nhà nước

quy định là sở hữu toàn dân. Diện tích chiếm hữu trong hình thức quy ước bị bãi bỏ, người Chil cũng như mọi tộc người khác trong khu vực và cả nước chỉ được quyền chiếm hữu trong diện tích rất nhỏ, theo khung định lượng. Ba khu vực đất đai sinh sống, sản xuất canh tác và thực hành tín ngưỡng bị tách rời nhau. Luật Đất đai năm 2013 chỉ thừa nhận quyền chiếm hữu trên diện tích đất ở (thổ cư), thu hẹp dần và cố định hóa quyền chiếm hữu đất khai thác, sản xuất. Phần rừng lõi, rừng già, rừng thiêng truyền thống gắn với quan niệm và thực hành tín ngưỡng hoàn toàn thuộc về "quy hoạch", người dân bản địa bị mất quyền chiếm hữu truyền thống. Lối sống du canh, du cư không thể tiếp tục. Tập quán hươu canh, bó hoang cho đất nghỉ và tự hồi sinh rừng tự nhiên không thể thực hiện, vì quỹ đất sản xuất không đủ bảo đảm nhu cầu trồng trọt, canh tác. Việc khai thác nguồn lợi tự nhiên từ rừng không thuộc khu vực đất sản xuất bị cấm hoàn toàn. Kéo theo đó, hệ tín ngưỡng vật linh, đa thần của người Chil cũng dần phai mờ và biến mất, vì không có hệ sinh thái văn hóa - tín ngưỡng để duy trì.

Thực trạng phá vỡ cấu trúc đất đai và phương thức sản xuất nông nghiệp trên đất này càng trở nên gay gắt hơn khi Nhà nước quốc hữu hóa đất đai triệt để, giao khu vực rừng cho các lâm trường, nông trường quản lý, đặc biệt là sau khi khu vực Vườn Quốc gia Bidoup được công nhận là Khu dự trữ sinh quyển thế giới. Vì vậy, mục đích giữ rừng, duy trì mật độ che phủ, bảo tồn hệ động thực vật vườn quốc gia, bảo tồn nguồn gen tự nhiên bản địa là tích cực, cần thiết cho quá trình phát triển chung theo hướng bền vững. Tuy nhiên, việc này lại xung đột sâu sắc với quyền lợi, tập quán canh tác, phương thức tự cung, tự cấp của cộng đồng người Chil nói riêng, các tộc người thiểu số ở khu vực Tây Nguyên nói chung; đồng thời, gián tiếp tác động và làm thay đổi căn bản các đặc trưng văn hóa, tín ngưỡng của đồng bào.

Để tiếp tục duy trì cuộc sống, người Chil buộc phải thay đổi truyền thống sản xuất lẫn phương thức canh tác. Sự phát triển của các loại hình trồng trọt định canh định cư, canh tác nương rẫy du canh, du cư trong truyền thống của người Chil ngày càng bị thu hẹp và hiện đã biến mất hoàn toàn, thay vào đó là canh tác cố định. Để tăng lợi nhuận từ sản xuất, việc xen canh, thâm canh, ứng dụng khoa học - kỹ thuật vào sản xuất nông nghiệp đã trở thành yêu cầu bắt buộc, thông qua sự hướng dẫn của các cơ quan, tổ chức khuyến nông. Mặt khác, việc sản xuất nông nghiệp cũng không thể tiến hành theo hình thức tự phát, dựa vào kinh nghiệm mà buộc phải theo quy trình tổ chức mùa vụ,... mới đạt hiệu quả.

2. Thực trạng di dân khiến đất sản xuất bị xâm thực, thu hẹp, tình trạng nhân mãn bị bão hòa tác động sâu sắc bởi quy luật năng suất biên tế giảm dần

Nếu chỉ số đánh giá nhân mãn ở đô thị được đo bằng diện tích đất ở, thì ở khu vực nông thôn là đất ở cộng với đất sản xuất. Trong khi đó, đối với đồng bào các dân tộc thiểu số, chỉ số đánh giá nhân mãn được mở rộng thêm hệ số đất đai hình thành nên hệ sinh thái. Khoảng 40 năm qua, sự di dân ồ ạt. (có từ trước lần tự phát) đã khiến tốc độ tăng dân số cơ học ở khu vực Tây Nguyên nói chung, khu vực cư trú của người Chil nói riêng bùng nổ. Điều này đã phá vỡ hoàn toàn cấu trúc hệ sinh thái môi trường, môi sinh, tạo nên sự khủng hoảng nhân mãn nghiêm trọng trong khu vực và trên diện rộng.

Điều dễ thấy là, trong khi người Chil thu hẹp quyền hạn, quyền chiếm hữu, khai thác ở các vùng rừng lõi, rừng già - nơi từng được gắn với truyền thống tín ngưỡng - thì các đoàn di dân lại có xu hướng ngày càng lấn sâu, chiếm hữu các khu vực này để cư trú và sản xuất. Một mặt, người Chil bị tách khỏi đời sống các hoạt động thực hành tín ngưỡng; mặt khác, để thích nghi, họ cũng tự xem phần đất đai được chiếm hữu như một loại hàng hóa có thể đem ra trao đổi, mua bán (không có trong

truyền thống). Lâu dần, khi tư liệu sản xuất là đất đai đã cạn kiệt, những xung đột xã hội sẽ có khả năng bùng phát, nhất là khi có sự kích động về tôn giáo, sắc tộc. Tuy các chính sách, biện pháp của Nhà nước vẫn đang phát huy tác dụng, chưa đề xảy ra bùng phát xung đột, nhưng nguy cơ này là thực tế tiềm ẩn, có thể xảy ra nếu nó thành bản chất trên diện rộng.

Dân số tiếp tục tăng ngay từ quy mô gia đình, trong khi đã canh tác cố định hóa với diện tích đất chiếm hữu không đổi, nên kinh tế hộ gia đình của người Chil bị tác động mạnh mẽ bởi quy luật “năng suất biên tế giảm dần” (số lượng lao động tăng, diện tích đất sản xuất giữ nguyên), gây khó khăn cho đời sống. Các biện pháp ứng dụng khoa học - kỹ thuật hiện đại vào sản xuất có thể giúp tăng năng suất trên cùng một diện tích canh tác, nhưng lại giảm nếu tính theo năng suất lao động đầu người. Tình trạng này đang diễn ra ngày càng gay gắt, tiềm ẩn những xung đột về mặt xã hội.

3. Kinh tế hàng hóa loại trừ tri thức bản địa trong nhiều mặt

Một bộ phận gia đình trẻ thiếu đất tham gia vào quy trình nhận khoán giữ và chăm sóc rừng, trở thành công nhân nông nghiệp trong một số lâm trường, trang trại nông nghiệp tại địa phương.

Trước đây, khai thác tự nhiên chi đáp ứng nhu cầu đời sống cho gia đình. Vì được tự do, người Chil xem việc bảo vệ nguồn lợi tự nhiên là cho chính mình nên họ tuân thủ chặt chẽ các quy ước cộng đồng, như không săn thú vào mùa sinh nở, không “ăn ong” trong mùa chia đàn, không chặt cây để hái quả,... Tuy nhiên, hiện nay, việc khai thác tự nhiên đem lại nguồn thu đáng kể gần như bị cấm, đồng thời bị cạnh tranh bởi các nhóm, tộc người khác nên một bộ phận người Chil đã phá bỏ các luật lệ truyền thống. Việc khai thác theo xu hướng vừa thu vừa phá, khiến tài nguyên cạn kiệt. một số giống loài bị đẩy vào nguy cơ tuyệt chủng. Kéo theo đó, kinh nghiệm và tri thức bản địa, lẫn những nét

đẹp văn hóa tâm linh tộc người cũng có nguy cơ mai một và biến mất. Hệ thống tri thức bản địa còn sót lại ngày càng tách xa với đời sống lao động sản xuất của thời đại. Khả năng ứng dụng kinh nghiệm, tri thức thấp hoặc không có, khi ngành nghề, phương thức sản xuất cũ đã mất đi. Từ bề tấp trong tổ chức lao động sản xuất sinh kế, sự khủng hoảng cấu trúc xã hội với tộc người lẫn khu vực có nguy cơ hình thành. Đây đang là bài toán xã hội nan giải và dai dẳng.

Tri thức bản địa, kinh nghiệm sản xuất trên nhiều mặt của người Chil phải được xem là vốn quý. Nó sẽ phát huy tác dụng, trở thành tiềm năng để khai thác và phát triển, nếu cộng đồng, xã hội và chính quyền biết nắm bắt, thay đổi, tổ chức lại hoạt động sản xuất cho phù hợp. Trước hết, mọi sự thay đổi đều phải được tính toán theo hướng có lợi và tạo cơ hội phát triển, đem lại lợi ích kinh tế thực sự cho đồng bào; tạo điều kiện để người Chil làm chủ, tổ chức, tự thay đổi đời sống của chính mình. Với chuyển biến đó, khả năng hòa nhập với đời sống hiện đại và nền kinh tế thị trường, cuộc sống của người Chil sẽ ngày một tốt hơn. Do đó, cần sớm nghiên cứu tìm ra giải pháp khả thi, tích cực, để giúp tộc người Chil cũng như nhiều nhóm khác, dân tộc khác ở khu vực Tây Nguyên không bị ảnh hưởng bởi chiều hướng tiêu cực, ngăn cản sự phát triển và hội nhập □

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Phan An, *Một số đặc trưng của xã hội người Cil và Lạt. Vấn đề dân tộc ở Lâm Đồng*, Mạc Đường (biên soạn), 132-159, Sở Văn hóa tỉnh Lâm Đồng.
2. Phan Ngọc Chiến (biên soạn), *Người Kaho và người Cil ở Lâm Đồng: Phân tích tài liệu thư tịch và điền dã về bản sắc và thành phần dân tộc*. *Người Kaho ở Lâm Đồng*, Nxb Tre, Thành phố Hồ Chí Minh, 2003
3. Phan Ngọc Chiến, *Dân tộc Kaho, các dân tộc ít người ở Việt Nam (các tỉnh phía Nam)*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1983